

**CARIYĀPIṬAKA PĀḲI**

**&**

**HẠNH TẠNG**

## 5. Soṇapaṇḍitacariyaṃ

282. Punāparaṃ yadā homi nagare brahmavaḍḍhane  
tatttha kulavare seṭṭhe mahāsāle ajāyahaṃ.<sup>1</sup>
283. Tadāpi lokaṃ disvāna andhabhūtaṃ<sup>2</sup> tamotthataṃ<sup>3</sup>  
cittaṃ bhavato patikuṭati tuttavegahataṃ viya.
284. Disvāna vividhaṃ pāpaṃ evaṃ cintesahaṃ tadā  
kadāhaṃ gehā nikkhamma pavisissāmi kānanaṃ.
285. Tadāpi maṃ nimantiṃsu<sup>4</sup> kāmabhogehi ñātayo  
tesampi chandamācikkhiṃ mānimantetha tehi maṃ.<sup>5</sup>
286. Yo me kaṇiṭṭhako bhātā nandonāmāsi paṇḍito  
sopi maṃ anusikkhanto pabbajjaṃ samarocayī.
287. Ahaṃ soṇo ca nando ca ubho mātā pitā mama  
tadāpi bhoge chaḍḍetvā pāvisimhā<sup>6</sup> mahāvananti.

Soṇapaṇḍitacariyaṃ pañcamaṃ.

Nekkhammapāramitā niṭṭhitā.

--ooOoo--

1. ajāyihama - Machasama.

2. andhibhūtaṃ - Machasama.

3. tamotthataṃ - Sīmu, Pa.

4. nimantesuṃ - Sīmu.

5. tehimaṃ - Mu;

tehi mamaṃ - Machasama.

6. pāvisimha - Mu.

## 5. Hạnh của vị Hiền Trí Soṇa:<sup>1</sup>

282. Vào một thời điểm khác nữa, khi ta sống ở thành phố Brahma-vaḍḍhana, tại nơi ấy ta đã được sinh ra trong gia đình cao quý, ưu tú, vô cùng giàu có.

283. Khi ấy, ta cũng đã nhận thấy thế gian là bị mù quáng, bị bao phủ bởi bóng tối. Tâm (ta) chối từ sự hiện hữu như thế bị châm chích thô bạo bởi cây gậy nhọn.

284. Sau khi nhận thấy sự xấu xa dưới nhiều hình thức khác nhau, ta đã suy nghĩ như vậy: “*Lúc nào ta sẽ lìa bỏ gia đình, ta sẽ đi vào rừng?*”

285. Cũng vào khi ấy, các thân quyến đã mời mọc ta với các sự thọ hưởng về dục lạc, ta cũng đã nói cho những người ấy về ước muốn (của ta) rằng: “*Xin các vị chớ có mời mọc ta bằng những thứ ấy.*”

286. Em trai của ta tên là Nanda là bậc trí tuệ. Vị ấy, trong khi học tập theo ta, cũng đã thích thú với việc xuất gia.

287. Khi ấy, ta Soṇa và Nanda cùng với cả hai cha mẹ của ta cũng đã buông bỏ của cải vô số rồi đi vào trong khu rừng lớn.

Hạnh của vị hiền triết Soṇa là phần thứ năm.

Dứt sự toàn hảo về xuất ly.

--ooOoo--

---

1. Chuyện Tiền Thân Đức Phật, câu chuyện 532.

## IV. ADHIṬṬHĀNAPĀRAMITĀ

### 6. Temiyapaṇḍitacariyaṃ

288. Punā paraṃ yadā homi kāsirājassa atrajo  
mūgapakkhoti nāmena temiyoti vadanti maṃ.
289. Soḷasitthisahassānaṃ na vijjati pumo tadā<sup>1</sup>  
ahorattānaṃ accayena nibbatta ahamekako.
290. Kicchā laddhaṃ piyaṃ puttaṃ abhijātaṃ jutindharaṃ  
setacchattaṃ dhārayitvāna sayane poseti maṃ pitā.
291. Niddāyamāno sayanavare pabujjhivānaṃ tadā  
addasaṃ paṇḍaraṃ chattaṃ yenāhaṃ nirayaṃ gato.
292. Sahadiṭṭhassa me chattaṃ tāso uppajji bheravo  
vinicchayaṃ samāpanno kadāhaṃ<sup>2</sup> imaṃ muñcissaṃ.<sup>3</sup>
293. Pubbasālohitā mayhaṃ devatā atthakāminī  
sāmaṃ disvāna dukkhitāṃ tisu ṭhānesu yojayī.
294. Māpaṇḍiccaṃ<sup>4</sup> vibhāya bālamato bhava sabbapāṇinaṃ<sup>5</sup>  
sabbo jano ocināyatu<sup>6</sup> evaṃ tava attho<sup>7</sup> bhavissati.
295. Evaṃ vuttāya<sup>8</sup> haṃ tassā idaṃ vacanamabravim<sup>8</sup>  
karomi te naṃ vacanaṃ yaṃ tvam<sup>9</sup> bhaṇasi devate  
atthakāmāsi me amma! Hitakāmāsi devate!
296. Tassāhaṃ vacanaṃ sutvā sāgareva thalaṃ labhiṃ  
haṭṭho saṃviggamānaso tayo aṅge adhiṭṭhahim.

---

1. sadā - Sīmu.

2. kathāhaṃ - Sīmu, Pa.

3. muccissaṃ - Machasaṃ.

4. mā paṇḍiccaṃ - Sīmu, Pa.

5. bahumataṃ sappāṇiṃ - katthaci.

6. ojināyatu - Sīmu.

7. evaṃ attho - katthaci.

8. mabruvi - Nā, katthaci.

9. yaṃ maṃ - katthaci.

## IV. SỰ TOÀN HẢO VỀ QUYẾT ĐỊNH:

### 6. Hạnh của vị Hiên Trí Temiya:<sup>1</sup>

288. Vào một thời điểm khác nữa, khi ta là người con trai của đức vua Kāsi có tên là Mūgapakkha, nhưng mọi người gọi ta là Temiya.<sup>2</sup>

289. Khi ấy, mười sáu ngàn phi tần (của đức vua) không có được một người con trai (luôn cả con gái). Sau nhiều ngày đêm, chỉ mỗi một mình ta đã được sanh ra.

290. (Vua) cha đã nuôi dưỡng ta, người con trai yêu quý, đạt được một cách khó nhọc, đã được sanh ra vẹn toàn, có thân tâm sáng lạng, ở trên chiếc giường đã được che chiếc lọng màu trắng.

291. Khi ấy, trong lúc đang ngủ trên chiếc giường cao quý, ta đã thức giấc và nhìn thấy chiếc lọng nhạt màu, nghĩa là ta sẽ bị đi địa ngục.

292. Có nỗi sợ hãi ghê gớm đã khởi lên ở ta khi được nhìn thấy chiếc lọng. Ta đã đi đến quyết định: “*Ta sẽ được thoát khỏi điều này<sup>3</sup> bằng cách nào?*”<sup>4</sup>

293. Có vị tiên nữ trước đây cùng huyết thống với ta<sup>5</sup> có lòng mong muốn điều tốt đẹp cho ta, sau khi nhìn thấy bản thân ta bị đau khổ, đã căn dặn về ba thái độ:

294. “*Chớ ra vẻ khôn ngoan, hãy là kẻ ngu si đối với tất cả chúng sanh, hãy làm cho mọi người khinh khi; như thế sẽ có sự tốt đẹp cho con.*”

295. Khi được nói như vậy, ta đã nói với bà ấy lời này: “*Bà tiên ơi, con sẽ thực hành theo lời mà bà đã chỉ bảo. Mẹ ơi, mẹ đã có lòng mong muốn điều tốt đẹp cho con. Bà tiên ơi, bà đã có mong muốn điều lợi ích cho con.*”

296. Sau khi nghe được lời nói của bà ấy, ta đã thọ nhận như là đã đến được đất liền ở giữa biển khơi. Mừng rỡ, với tâm ý phấn chấn, ta đã quyết định ba điều:

---

1. Chuyện Tiên Thân Đức Phật, câu chuyện 538.

2. Vào ngày đức Bồ-tát được sanh ra, trời đã đổ cơn mưa xuống toàn thể vương quốc Kāsi, nên được gọi là Temiya (được âm ướ), CpA. 216-7.

3. Là thoát khỏi vương quốc xui xẻo này, CpA. 218.

4. Dịch theo *kathāhaṃ imaṃ muñcissam* thay vì *kadāhaṃ ...?* (Khi nào ta sẽ ...?)

5. Vị này ngự ở trên chiếc lọng ấy và là người mẹ ruột trong một kiếp sống trước đây, CpA. 218

297. Mūgo ahoṣiṃ badhiro pakkho gati vivajjito  
ete aṅge adhiṭṭhāya vassānaṃ soḷasaṃ<sup>1</sup> vasiṃ.
298. Tato me hatthapāde ca jivhaṃ<sup>2</sup> sotañca maddiya  
anūnataṃ me passivā kālakaṇṇīti nindisuṃ.<sup>3</sup>
299. Tato jānapadā<sup>4</sup> sabbe senāpati purohitā  
sabbe ekamaṇā hutvā chaḍḍanaṃ anumodisū.<sup>5</sup>
300. Sohaṃ tesāṃ matīṃ sutvā haṭṭho saṃviggamānaso  
yassatthāya tapo ciṅṅo so me attho samijjhatha.
301. Nahāpetvā<sup>6</sup> anulimpitvā veṭhetvā rājavetṭhanaṃ  
chattena abhisīñcitvā<sup>7</sup> kāresuṃ pura<sup>8</sup>padakkhiṇaṃ.
302. Sattāhaṃ dhārayitvāna uggate ravimaṇḍale  
rathena maṃ nīharitvā sārathī vanamupāgamī.
303. Ekokāse rathaṃ katvā sajjassaṃ<sup>9</sup> hatthamuñcito<sup>10</sup>  
sārathī khaṇatī kāsūṃ nikhātuṃ paṭhaviyā<sup>11</sup> mamaṃ.<sup>12</sup>
304. Adhiṭṭhitamadhiṭṭhānaṃ tajjento<sup>13</sup> vividhakāraṇā  
nābhindim<sup>14</sup> vatamadhiṭṭhānaṃ bodhiyā yeva kāraṇā.
305. Mātā pitā na me dessā attā me na ca<sup>15</sup> dessiyo  
sabbaññutaṃ piyaṃ mayhaṃ tasmā vatamadhiṭṭhahiṃ.
306. Ete aṅge adhiṭṭhāya vassāni soḷasiṃ<sup>16</sup> vasiṃ.<sup>17</sup>  
adhiṭṭhānena samo natthi esā me adhiṭṭhānapāramīti.

Temiya<sup>18</sup>cariyaṃ chaṭṭhamāṃ.

Adhiṭṭhānapāramitā niṭṭhitā.

1. vassāni soḷasaṃ - katthaci.  
vassāni soḷasiṃ - Sīmu.  
2. jivhā - Machasaṃ.  
3. niddisuṃ - Mu, Nā;  
niddisū - Machasaṃ.  
4. pānapaṇa - Sīmu.  
5. anumodisu - Machasaṃ.  
6. nahāpetvā - Machasaṃ.  
7. abhisīcetva - katthaci.  
8. puraṃ - Machasaṃ.  
9. sajjissaṃ - Machasaṃ.  
10. muccito - Machasaṃ.

11. paṭhaviyaṃ - Sīmu.  
12. mama - Machasaṃ.  
13. tajjento - Sīmu;  
gavajanto - katthaci.  
14. nabhindivatamadhiṭṭhānaṃ - Nnā;  
nabhinditamadhiṭṭhānaṃ - Ma.  
15. attānameva - Nā, katthaci.  
16. soḷasaṃ - katthaci.  
17. imaṃ gāthaddhaṃ maramma -  
potthakesu natthi.  
18. temiya paṇḍita cariyaṃ - Sīmu.

297. Ta đã là người câm, điếc, què quặt, việc đi lại đã được từ bỏ. Ta đã quyết định các điều này và đã sống mười sáu năm.

298. Do đó, họ đã xoa bóp tay chân, lưỡi và mắt của ta. Sau khi nhận thấy không có sự khiếm khuyết ở ta, họ đã chê bai là “*Kẻ bất hạnh.*”

299. Sau đó, tất cả dân chúng trong xứ sở, các tướng lãnh quân đội, các viên quan tế tự, tất cả đã nhất trí bằng lòng việc truất phế.

300. Sau khi nghe ý kiến của những người ấy, ta đây đã trở nên mừng rỡ, có tâm trí phấn chấn. Sự khổ hạnh đã được thể hiện (bởi ta) vì mục đích nào thì mục đích ấy của ta đã được thành công.

301. Sau khi đã tắm rửa, xúc đầu, đội lên vương miện, làm lễ rưới nước (cho ta), rồi với chiếc lọng che họ đã tiến hành việc đi nhiều vòng quanh thành phố.

302. Sau khi đã duy trì chiếc lọng trong bảy ngày, đến lúc vầng sáng của mặt trời hiện ra, người đánh xe đã đưa ta ra khỏi (thành phố) bằng chiếc xe ngựa rồi đi về phía khu rừng.

303. Sau khi dùng chiếc xe ở một khoảng trống, người đánh xe đã buộc ngựa để được rảnh tay rồi đã đào cái hố để chôn ta ở trong lòng đất.

304. Trong khi nhiều nguyên nhân đủ các loại đang đe dọa điều quyết tâm đã được khẳng định, ta đã không làm đổ vỡ việc tuân thủ đã được quyết định với lý do chỉ là vì quả vị giác ngộ.

305. Mẹ cha không có bị ta ghét bỏ, bản thân cũng không có bị ta ghét bỏ, đối với ta quả vị Toàn Giác là yêu quý; vì thế ta đã quyết định việc tuân thủ.

306. Sau khi quyết định các điều này, ta đã sống trong mười sáu năm. Không có ai bằng (ta) về sự quyết định, điều này là sự toàn hảo về quyết định của ta.

Hạnh của (đức Bồ-tát) Temiya là phần thứ sáu.

Dứt sự toàn hảo về quyết định.